CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sông Đà 5

Ngày 30/06/2025	8,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**7.3%**	**20.3%**

DT thuần
Q2/25
1,060
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 258| 32.2%
YoY: ▲ 283| 36.5%

LN thuần
Q2/25
13.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 41.2%
YoY: ▲ 3.00| 28.0%

LN sau thuế
Q2/25
8.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.74| 9.4%
YoY: ▲ 1.76| 25.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
1.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q2/25
5.7%
YoY: +/-▲ 0.5%

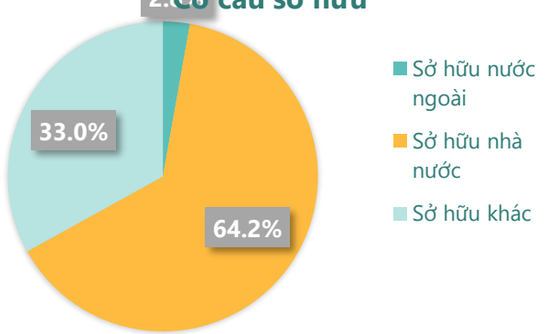
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,947 - 9,263
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	229
Số lượng CPLH (CP)	25,999,848
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,340
Sở hữu nước ngoài	2.8%
Beta	0.86
EPS	1,028
P/E	8.6

DT thuần
6T 2025
1,862
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 531| 39.9%

LN thuần
6T 2025
23.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.90| 33.9%

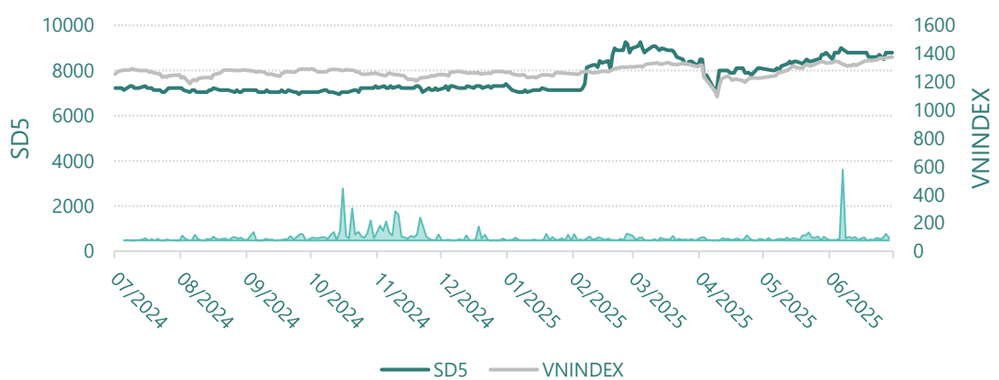
LN sau thuế
6T 2025
16.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.10| 23.0%

Cơ cấu sở hữu

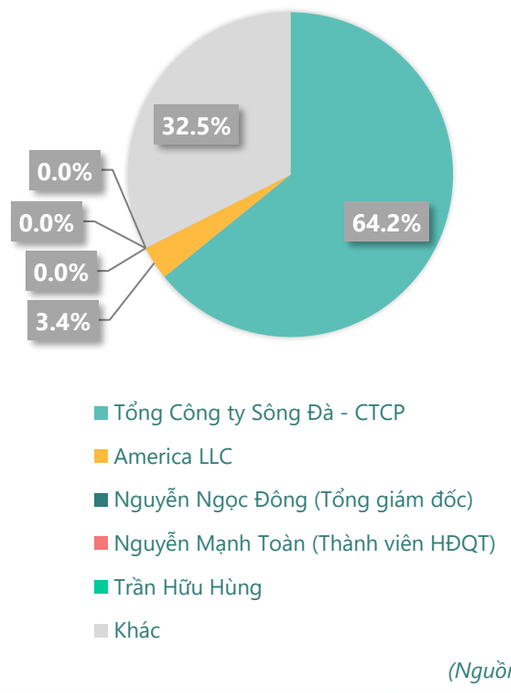


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



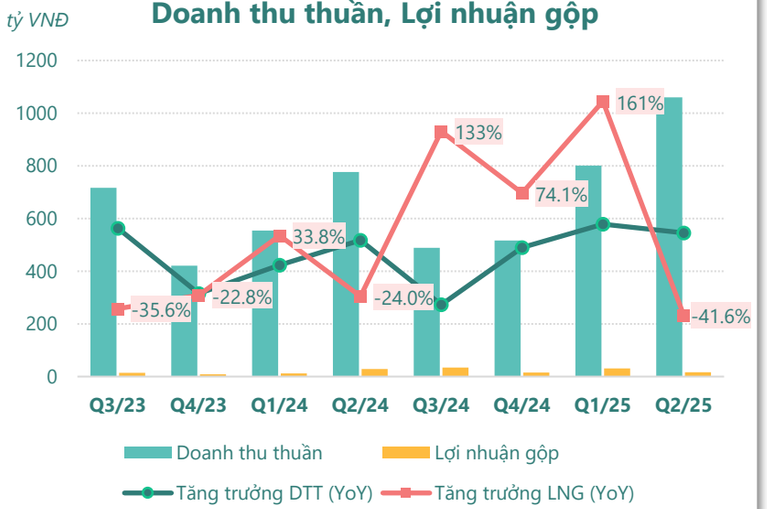
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

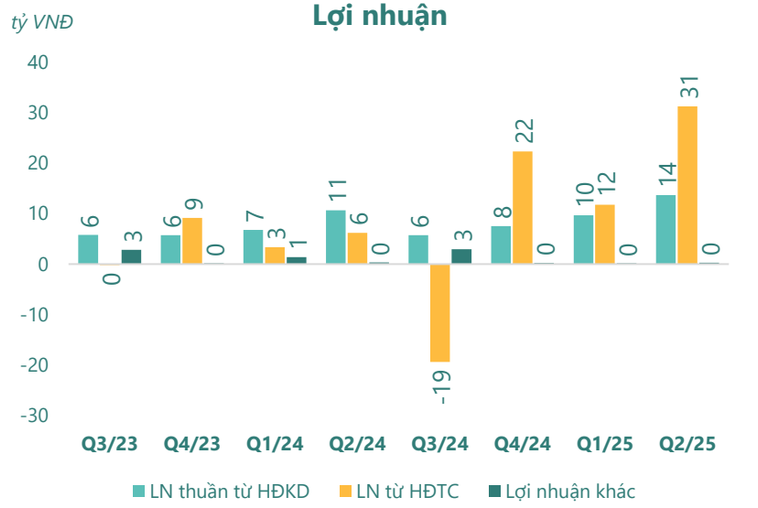
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



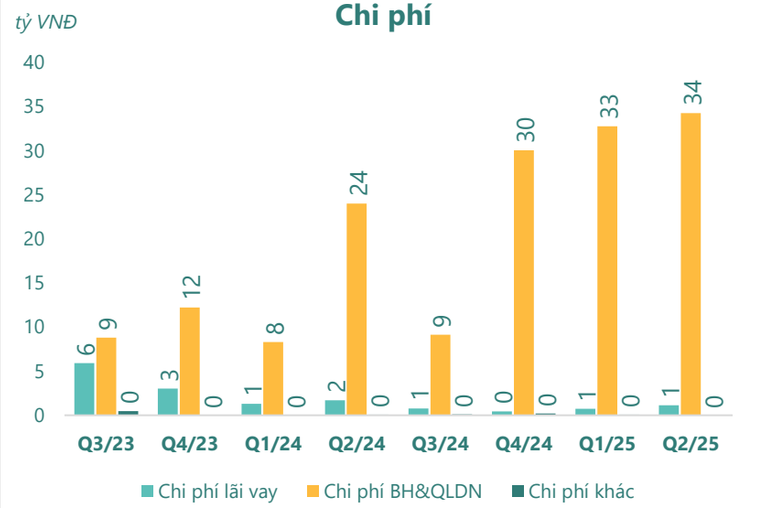
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



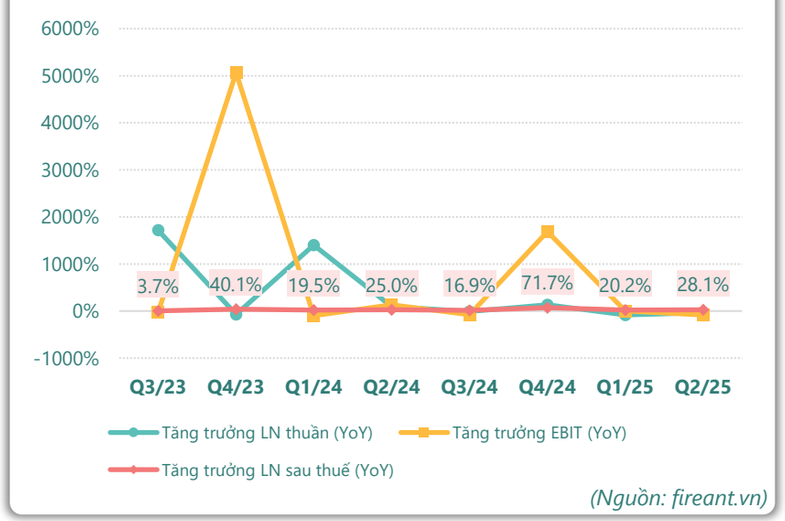
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



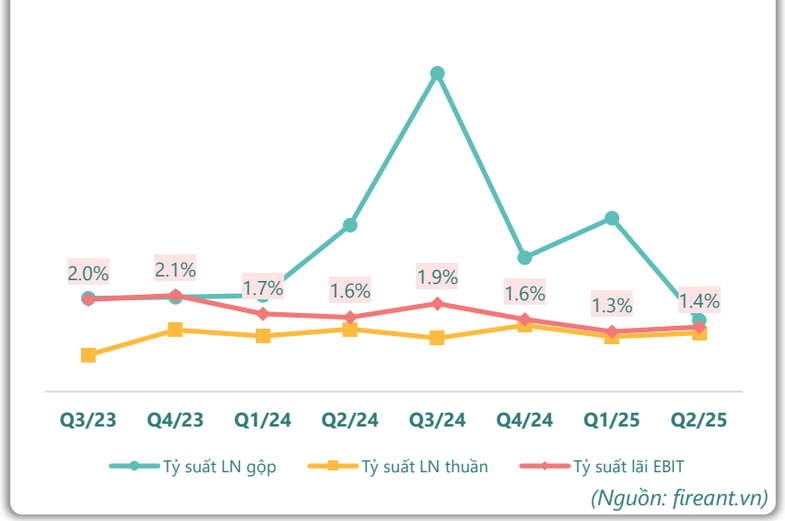
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



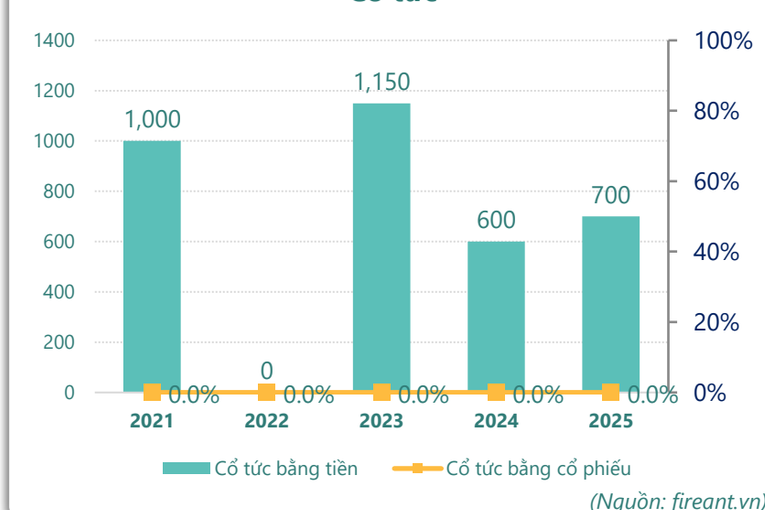
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

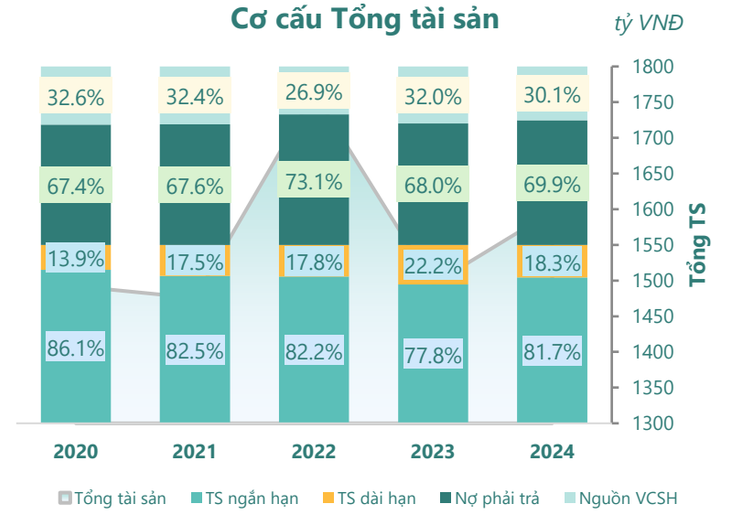
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

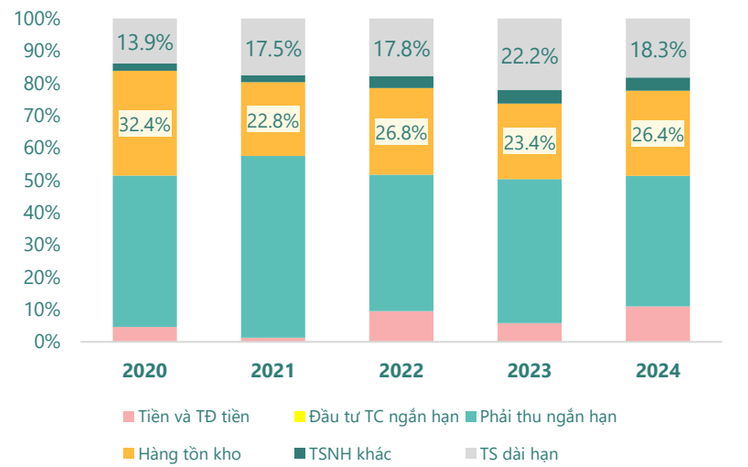
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



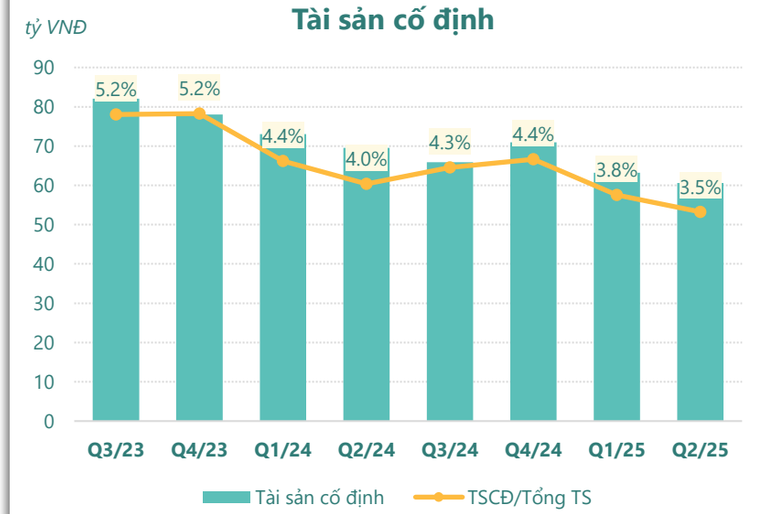
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



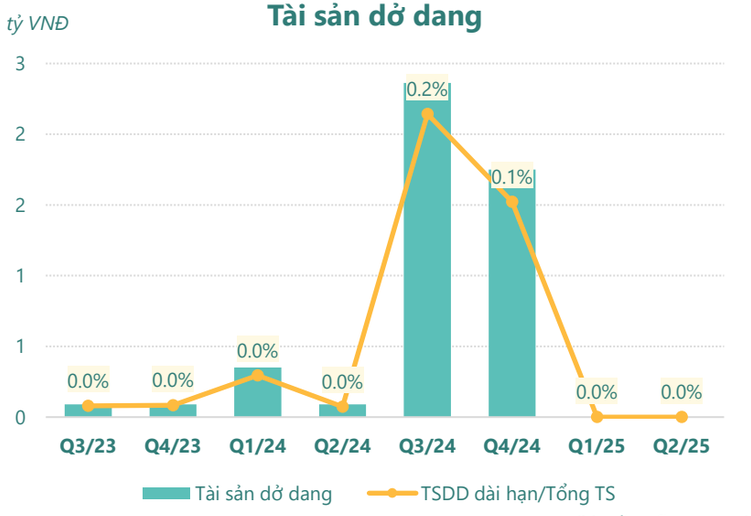
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



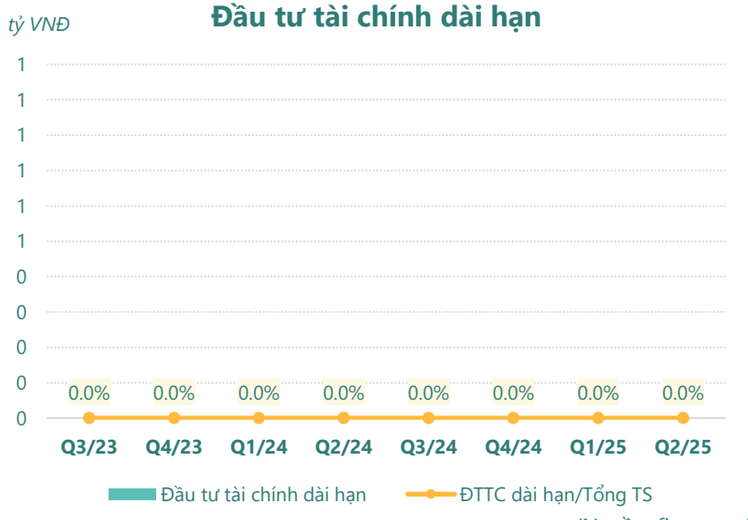
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



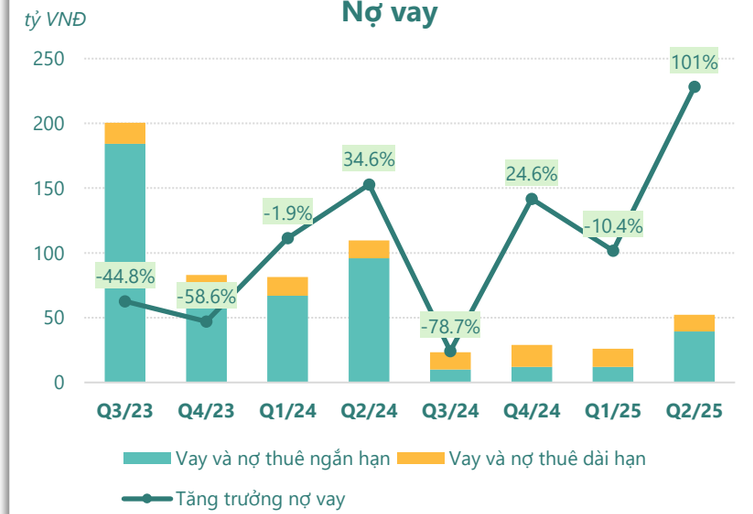
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

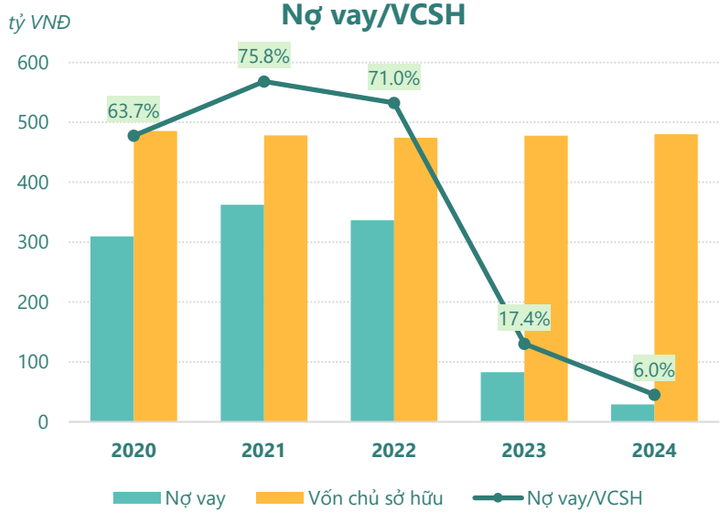
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

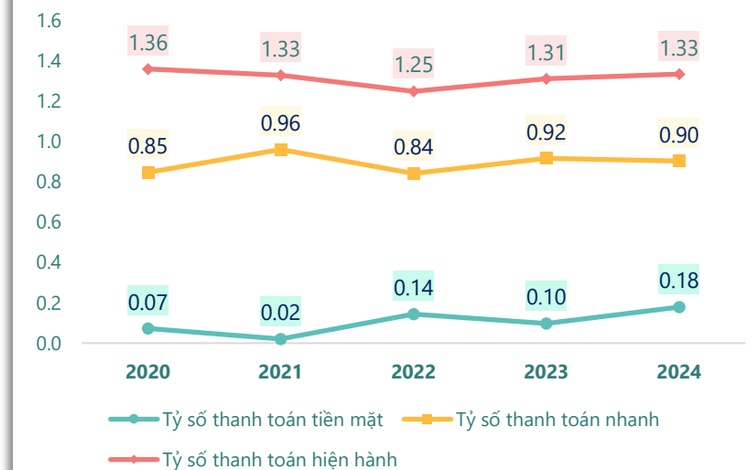
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



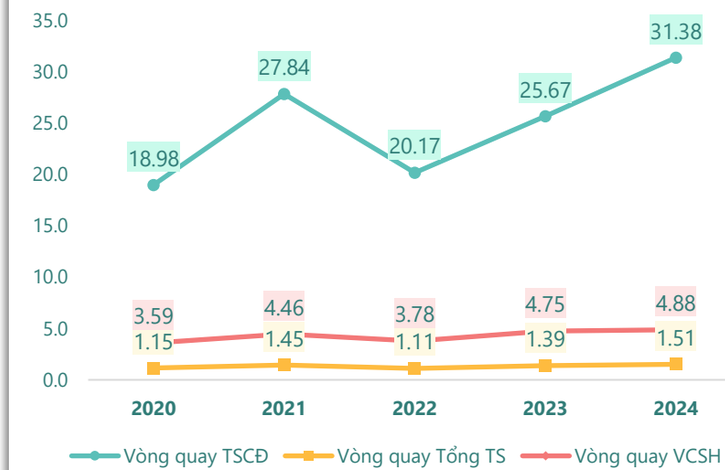
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



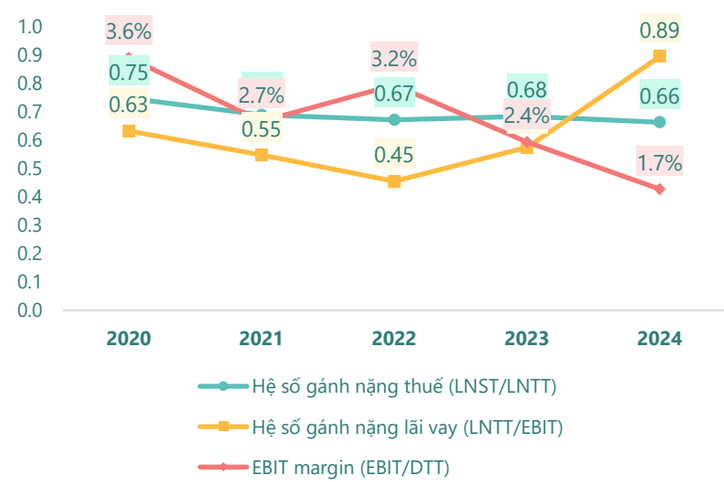
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



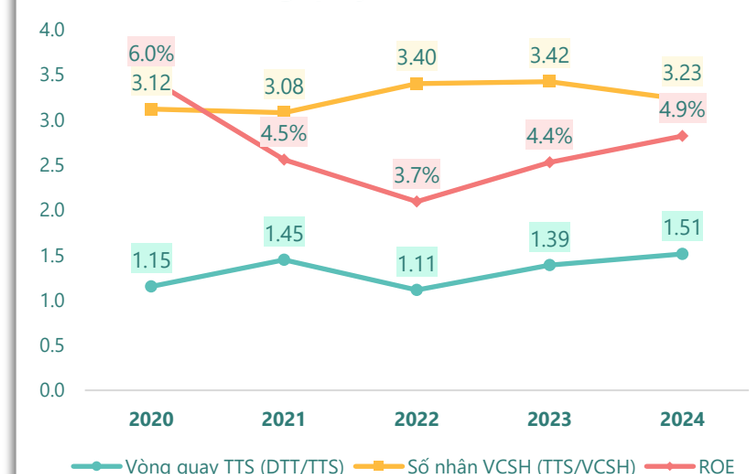
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



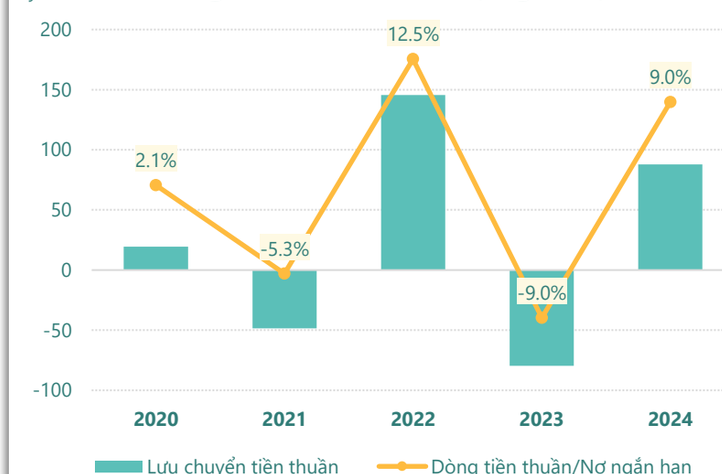
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,060**	**777**	**36.5%**	**1,862**	**1,331**	**39.9%**
Giá vốn hàng bán	1,044	749	39.3%	1,815	1,291	40.5%
Lợi nhuận gộp	16.6	28.5	-41.6%	47.3	40.2	17.6%
Doanh thu HĐTC	113	45.7	147%	174	80.9	115%
Chi phí TC	81.5	39.5	106%	131	71.3	83.2%
Chi phí lãi vay	1.12	1.71	-34.5%	1.87	3.00	-37.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**34.3**	**24.0**	**42.7%**	**67.0**	**32.3**	**107%**
LN thuần từ HĐKD	13.7	10.7	28.0%	23.4	17.5	33.9%
Lợi nhuận khác	**0.25**	**0.33**	**-25.0%**	**0.39**	**1.73**	**-77.6%**
LN trước thuế	13.9	11.0	26.7%	23.8	19.2	23.9%
Lợi nhuận sau thuế	**8.61**	**6.85**	**25.7%**	**16.5**	**13.4**	**23.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.61**	**6.85**	**25.7%**	**16.5**	**13.4**	**23.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.3	19.8	75.1	45.6	-18.1	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.10	-7.42	-9.13	9.98	-0.15	-3.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.7	25.9	-91.9	0.48	-3.03	8.05
Tiền đầu kỳ	86.9	106	145	119	175	154
Lưu chuyển tiền thuần	**19.5**	**38.3**	**-25.9**	**56.0**	**-21.3**	**18.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.37	0.22	0.37	-0.01	0.00	0.83
Tiền cuối kỳ	106	145	119	175	154	173

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,707**	**1,597**	**6.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,351	1,305	3.5%
Tiền và tương đương tiền	173	175	-1.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.51	0	
Phải thu ngắn hạn	517	645	-19.7%
Hàng tồn kho	601	421	42.7%
Tài sản ngắn hạn khác	50.5	63.8	-20.9%
Tài sản dài hạn	**356**	**292**	**21.9%**
Phải thu dài hạn	263	182	44.3%
Tài sản cố định	60.6	71.0	-14.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	1.75	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**32.3**	**37.1**	**-12.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,232	1,116	10.4%
Nợ ngắn hạn	**1,145**	**978**	**17.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.4	12.0	227%
Phải trả người bán ngắn hạn	341	166	106%
Nợ dài hạn	87.6	138	-36.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.9	17.0	-24.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**474**	**480**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**474**	**480**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	260	260	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)